

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS-PT

Ngày: 20/12/2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Ái;

Các Thẩm phán: : Ông Nguyễn Hà Giang;
Ông Hồ Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc “ *Tranh chấp quyền sử dụng đất* ”.

Do bản án sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn T, Sinh năm 1947. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn **, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hồ Văn P - Luật sư Công ty Luật TNHH H - Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Ông Đoàn Văn M, Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn **, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn **, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn **, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. UBND huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng L - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi Trường. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Đoàn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn **, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đoàn T trình bày: Ngày 15/4/1990 gia đình tôi được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận giao khoán sử dụng đất đồi rừng tại đồi gò lá, diện tích 2ha, thời hạn 45 năm, mục đích trồng cây lâm nghiệp. Trong lúc gia đình tôi đang cuộc hồ trồng cây bạch đàn thì em trai tôi là ông Đoàn Văn M xin làm chung, tôi đồng ý. Trồng cây xong tôi bảo vợ tôi chia cho ông M 1/4 số cây đã trồng với diện tích tương ứng khoảng 0,5ha để ông M chăm sóc và thu hoạch, còn đất thì tôi cho mượn. Khoảng năm 1995-1996, nhà nước có chủ trương cấp giấy CNQSD đất đồi rừng cho những hộ gia đình có giấy tờ đủ điều kiện. Lúc đó ông M đang làm phó bí thư chi bộ kiêm đội trưởng đội sản xuất số 15 xã V. Một buổi tối gia đình tôi đang chuẩn bị ăn cơm thì ông M đưa một người giới thiệu là cán bộ kiểm lâm huyện về làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đồi rừng và đưa cho tôi 02 tờ giấy và bảo ký vào để làm sổ đỏ vì tin em nên tôi không xem và đã ký vào 02 tờ giấy đó. Năm 2006, ông M đã rào hết các đường lên đồi của gia đình tôi, không cho đi. Do bức mình nên tôi đòi lại đất nhưng sau đó hai vợ chồng ông M đã xin lỗi nên tôi tiếp tục cho mượn đất. Khoảng năm 2008-2009 tình cờ tôi phát hiện sổ đỏ ghi sai tên Đoàn T ghi là Đoàn Thiếu, diện tích 2ha ghi là 1,5ha nên tôi làm đơn đề nghị UBND xã V kiểm tra và sửa lại. UBND xã V đã cấp giấy giới thiệu lên phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ sửa lại theo sổ gốc, Đoàn Thiếu được sửa thành Đoàn T, 1,5ha sửa thành 2ha (giấy CNQSD đất số I689540 ngày 30/12/1996). Ngày 15/3/2015 sau khi thu hoạch cây xong, ông M thuê người cuộc hồ trồng cây trên đất tôi cho mượn, cuộc cả hồ trên đường đi vào đất của gia đình tôi. Tôi có bảo ông M phải bỏ những cây ấy đi nhưng ông M không nghe, nên tôi đã đòi lại đất thì ông M bảo rằng đất của ông M đã có bìa đỏ. Qua tìm hiểu thì tôi được biết ông M đã làm giấy CNQSD đất trên phần đất 0,5ha mà tôi đã cho mượn. Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ buộc ông M phải trả lại cho tôi diện tích đất tôi đã cho ông M mượn 0,5 ha, đo thực tế diện tích là 6.814,2 m² (theo biên bản thẩm định, đo vẽ ngày 28/7/2017) và hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho ông M. Ngày 28/7/2017 Hội

đồng định giá UBND huyện Đ đã thẩm định và định giá tài sản diện tích đất đang tranh chấp, ngày 07/9/2020 Hội đồng định giá đã thẩm định và định giá tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp. Ông nhất trí với kết quả thẩm định và định giá ngày 28/7/2017 và 07/9/2020. Không đề nghị thẩm định và định giá lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Hồ Văn P - Luật sư Công ty Luật TNHH H - Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ nhất trí với ý kiến trình bày của ông T và không bổ sung thêm ý kiến gì khác.

Bị đơn ông Đoàn Văn M trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa: Ông T khởi kiện yêu cầu tôi phải trả diện tích đất 0,5 ha, đo thực tế có diện tích là 6.814,2 m² (theo biên bản thẩm định, đo vẽ ngày 28/7/2017). Ông T cho rằng tôi đã mượn đất của ông. Tôi không nhất trí vì ngày 30/12/1996 tôi được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích là 6.600m², đo thực tế có diện tích là 6.814,2 m² (theo biên bản thẩm định, đo vẽ ngày 28/7/2017). Sau khi được cấp giấy CNQSD đất thì gia đình tôi đã trồng cây và sử dụng từ đó đến nay. Nay ông T yêu cầu tôi trả lại diện tích đất trên và hủy giấy CNQSD đất UBND huyện Đ đã cấp cho tôi thì tôi không đồng ý. Ngày 28/7/2017 Hội đồng định giá UBND huyện Đ đã thẩm định và định giá tài sản diện tích đất đang tranh chấp, ngày 07/9/2020 Hội đồng định giá đã thẩm định và định giá tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp. Tôi nhất trí với kết quả thẩm định và định giá ngày 28/7/2017 và 07/9/2020. Không đề nghị thẩm định và định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) trình bày: Tôi là vợ của ông T, tôi nhất trí với ý kiến của ông T, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ buộc ông M phải trả lại cho gia đình tôi diện tích đất 0,5ha, đo thực tế có diện tích là 6.814,2m² và hủy giấy CNQSD đất đã cấp cho Mậu. Ngày 28/7/2017 Hội đồng định giá UBND huyện Đ đã thẩm định và định giá tài sản diện tích đất đang tranh chấp, ngày 07/9/2020 Hội đồng định giá đã thẩm định và định giá tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp. Nay tôi nhất trí với kết quả thẩm định và định giá ngày 28/7/2017 và 07/9/2020. Không đề nghị thẩm định và định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T (vợ ông M) trình bày: Tôi là vợ của ông M, tôi nhất trí với ý kiến của ông M, Ông T khởi kiện yêu cầu gia đình tôi phải trả diện tích đất 0,5 ha, đo thực tế có diện tích là 6.814,2 m² mà ông T cho rằng gia đình tôi đã mượn của ông. Tôi không nhất trí vì ngày 30/12/1996 gia đình tôi được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích là 6.600m², đo thực tế có diện tích là 6.814,2m² (theo biên bản thẩm định, đo

về ngày 28/7/2017). Sau khi được cấp giấy CNQSD đất thì gia đình tôi đã trồng cây và sử dụng từ đó đến nay. Nay ông T yêu cầu gia đình tôi trả lại diện tích đất trên và hủy giấy CNQSD đất UBND huyện Đ đã cấp cho gia đình tôi thì tôi không đồng ý. Ngày 28/7/2017 Hội đồng định giá UBND huyện Đ đã thẩm định và định giá tài sản diện tích đất đang tranh chấp, ngày 07/9/2020 Hội đồng định giá đã thẩm định và định giá tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp. Tôi nhất trí với kết quả thẩm định và định giá ngày 28/7/2017 và 07/9/2020. Không đề nghị thẩm định và định giá lại.

UBND huyện Đ đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hùng L trình bày:

+ Đối với hộ ông Đoàn T: Năm 1990, ông Đoàn T được UBND huyện Đ giao khoán sử dụng đất đồi rừng, theo giấy chứng nhận giao khoán có diện tích 2ha. Năm 1994, thực hiện Nghị định số 02-NĐ ngày 15/4/1994 của chính phủ về việc giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, ngày 20/5/1995 ông Đoàn T có đơn xin nhận đất Lâm nghiệp, đã được UBND huyện Đ giao rừng và đất Lâm nghiệp tại khu Gò lá theo Quyết định ngày 10/6/1995, tờ bản đồ số 15, lô số 2, diện tích 1,5 ha. Năm 1996 ông T được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất với diện tích là 1,5 ha;

+ Đối với hộ ông Đoàn Văn M: Năm 1994, thực hiện Nghị định số 02-NĐ ngày 15/4/1994 của chính phủ về việc giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, ngày 20/5/1995 ông Đoàn Văn M có đơn xin nhận đất Lâm nghiệp, đã được UBND huyện Đ giao rừng và đất Lâm nghiệp tại khu Gò lá theo Quyết định ngày 10/6/1995, tờ bản đồ số 15, lô số 1, diện tích 0,66 ha; Năm 1996 ông M được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất với diện tích là 0,66 ha;

+ Kiểm tra hồ sơ giao rừng và đất Lâm nghiệp, hồ sơ cấp giấy CNQSD đất cho hộ ông Đoàn T và hộ ông Đoàn Văn M đang lưu trữ tại phòng tài nguyên và môi trường thấy rằng: Hộ ông T được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất ngày 30/12/1996, diện tích là 1,5 ha, loại đất lâm nghiệp, thửa đất số 02, tờ bản đồ 15 là đúng hồ sơ cấp giấy CNQSD đất. Hộ ông M được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất ngày 30/12/1996, diện tích là 0,66 ha, loại đất lâm nghiệp, thửa đất số 01, tờ bản đồ 15 là đúng hồ sơ cấp giấy CNQSD đất.

+ Hiện nay giấy CNQSD đất của ông Đoàn T bị tẩy xóa ghi là 2ha (có đóng dấu UBND huyện chèn lên số liệu tẩy xóa), diện tích này không đúng theo số liệu hồ sơ gốc (hồ sơ gốc 1,5 ha) và việc chỉnh sửa không có hồ sơ, không đúng quy định.

+ Ngày 4/12/2008 UBND huyện Đ đã có quyết định số: 3038/QĐ-UB về việc thu hồi giấy CNQSD đất số I689540 của hộ ông Đoàn T do bị chỉnh sửa không đúng quy định.

+ Qua đo đạc hiện trạng do Công ty Cổ phần khảo sát đo đạc Anh Thư địa chỉ tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (theo yêu cầu của nguyên đơn ông Đoàn T), thì thực tế diện tích đất hộ ông Đoàn T là 22.667,9m²; diện tích đất hộ ông Đoàn Văn M là 6.821,4m². Như vậy diện tích đất thực tế sử dụng của cả hai hộ đều thừa so với giấy CNQSD đất.

Nay ông T khởi kiện ông M tại Tòa án nhân dân huyện Đ về việc tranh chấp QSD đất. UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại Bản án số 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

- Căn cứ vào: khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166 khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 115; Điều 158; Điều 163; Điều 189 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ: Điều 202; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T về việc yêu cầu ông Đoàn Văn M phải trả lại cho ông Đoàn T diện tích đất 6.821,4m², thửa đất số 1, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Thôn ** xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T về việc yêu cầu hủy giấy CNQSD đất của ông Đoàn Văn M.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc), định giá tài sản: ông Đoàn T phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông T đã nộp 1.500.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đoàn T. Hoàn trả cho ông Đoàn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng), theo biên lai số AA/2016/0004074 ngày 9/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 10 năm 2021, ông Đoàn T có đơn kháng cáo với nội dung: không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm,

Tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn T vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX .Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đoàn T trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Đoàn T xét thấy: Ông Đoàn T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ buộc Đoàn Văn M phải trả lại diện tích đất 0,5ha, đo thực tế 6.821,4m², thửa đất số 1, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Thôn ** xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ và hủy giấy CNQSD đất do UBND huyện Đ đã cấp cho ông Đoàn Văn M diện tích đất theo giấy CNQSD đất là 6.600m².

Xét về nguồn gốc: Qua xác minh tại phòng tài nguyên và môi trường UBND huyện Đ thấy rằng: Năm 1990, ông Đoàn T được UBND huyện Đ giao khoán sử dụng đất đồi rừng, theo giấy chứng nhận giao khoán có diện tích 2ha. Năm 1994, thực hiện Nghị định số 02-NĐ ngày 15/4/1994 của chính phủ về việc giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp,

ngày 20/5/1995 ông Đoàn T có đơn xin nhận đất Lâm nghiệp, đã được UBND huyện Đ giao rừng và đất Lâm nghiệp tại khu Gò lá theo Quyết định ngày 10/6/1995, tờ bản đồ số 15, lô số 2, diện tích 1,5 ha. Năm 1996 ông T được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất với diện tích là 1,5 ha. Đối với hộ ông Đoàn Văn M: Năm 1994, thực hiện Nghị định số 02-NĐ ngày 15/4/1994 của chính phủ về việc giao đất Lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp, ngày 20/5/1995 ông Đoàn Văn M có đơn xin nhận đất Lâm nghiệp, đã được UBND huyện Đ giao rừng và đất Lâm nghiệp tại khu Gò lá theo Quyết định ngày 10/6/1995, tờ bản đồ số 15, lô số 1, diện tích 0,66 ha; Năm 1996 ông M được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất với diện tích là 0,66 ha.

Xét về trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSD đất: Qua xác minh tại phòng tài nguyên và môi trường UBND huyện Đ thấy rằng: Hộ ông Đoàn T được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất ngày 30/12/1996, diện tích là 1,5 ha, loại đất lâm nghiệp, thửa đất số 02, tờ bản đồ 15 là đúng hồ sơ cấp giấy CNQSD đất. Hộ ông Đoàn Văn M được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất ngày 30/12/1996, diện tích là 0,66 ha, loại đất lâm nghiệp, thửa đất số 01, tờ bản đồ 15 là đúng hồ sơ cấp giấy CNQSD đất. Hiện nay giấy CNQSD đất của ông Đoàn T bị tẩy xóa ghi là 2ha (có đóng dấu UBND huyện chèn lên số liệu tẩy xóa), diện tích này không đúng theo số liệu hồ sơ gốc (hồ sơ gốc 1,5 ha) và việc chỉnh sửa không có hồ sơ, không đúng quy định. Ngày 4/12/2018 UBND huyện Đ đã có quyết định số: 3038/QĐ-UB về việc thu hồi giấy CNQSD đất số I689540 của hộ ông Đoàn T do bị chỉnh sửa không đúng quy định.

Phía nguyên đơn ông Đoàn T cho rằng Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Thôn ** xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Giấy CNQSD đất đứng tên ông Đoàn Văn M do UBND huyện Đ cấp ngày 30/12/1996 có diện tích theo giấy CNQSD đất là 6.600m², thực tế có diện tích là 6.821,4m² là ông cho ông Đoàn Văn M mượn để trồng cây lâm nghiệp, nhưng ông M đã tự ý kê khai làm giấy chứng nhận QSD đất đứng tên mình, nhưng ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh ngoài các lời khai trên. Chi tiết cán bộ kiểm lâm về làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất là không đúng do đất không do kiểm lâm quản lý và không có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất. Do vậy lời khai của ông T không phù hợp nên không được chấp nhận. Mặt khác giấy CNQSD đất của ông Đoàn T bị tẩy xóa ghi là 2ha (có đóng dấu UBND huyện chèn lên số liệu tẩy xóa), diện tích này không đúng theo số liệu hồ sơ gốc (hồ sơ gốc 1,5 ha) và việc chỉnh sửa không có hồ sơ, không đúng quy định. Ngày 4/12/2018 UBND

huyện Đ đã có quyết định số: 3038/QĐ-UB về việc thu hồi giấy CNQSD đất số I689540 của hộ ông Đoàn T do bị chỉnh sửa không đúng quy định.

Như vậy, không có cơ sở để xác định thửa đất số 1, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Thôn ** xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ có diện tích là 6.600m², đo thực tế là 6.821,4m² thuộc quyền sở hữu của ông Đoàn T. Nên yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3]. Đối với yêu cầu của ông Đoàn T về việc hủy giấy CNQSD đất do UBND huyện Đ cấp cho ông Đoàn Văn M là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc), định giá tài sản: Căn cứ vào khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T không được chấp nhận nên ông Đoàn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc), định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Ông Đoàn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do tuổi cao thuộc diện được miễn. Hoàn trả cho ông Đoàn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ những căn cứ nêu trên không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn T đối với bản án sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

[6] Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn T được miễn tiền án phí dân sự Phúc thẩm do tuổi cao thuộc diện được miễn

[8] Những nội dung khác của bản án không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- Căn cứ vào: khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166 khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 115; Điều 158; Điều 163; Điều 189 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ: Điều 202; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.
- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T về việc yêu cầu ông Đoàn Văn M phải trả lại cho ông Đoàn T diện tích đất 6.821,4m², thửa đất số 1, tờ bản đồ số 15, địa chỉ Thôn ** xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T về việc yêu cầu hủy giấy CNQSD đất của ông Đoàn Văn M.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đo đạc), định giá tài sản: ông Đoàn T phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông T đã nộp 1.500.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đoàn T. Hoàn trả cho ông Đoàn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2016/0004074 ngày 9/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do tuổi cao thuộc diện được miễn

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND Huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

